PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2016/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2016*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây viết tắt là Dự án KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện, quản lý Dự án KH&CN.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN (sau đây viết tắt là Cơ quan đề xuất đặt hàng) là Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan nhà nước khác ở Trung ương.

2. Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN là doanh nghiệp hoặc tổ chức KH&CN có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động phù hợp với việc nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn.

3. Đơn vị quản lý Dự án KH&CN (sau đây viết tắt là Đơn vị quản lý dự án) là đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được giao trách nhiệm quản lý các Dự án KH&CN.

4. Đơn vị quản lý kinh phí Dự án KH&CN (sau đây viết tắt là Đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý kinh phí để thực hiện các Dự án KH&CN.

Điều 3. Yêu cầu đối với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm Dự án KH&CN

1. Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Được giao chủ trì hoặc phối hợp thực hiện dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của Bộ, ngành, địa phương;

b) Có tư cách pháp nhân, có đủ năng lực về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng triển khai, phối hợp nghiên cứu và ứng dụng kết quả của Dự án KH&CN vào sản xuất;

c) Được cơ quan, tổ chức chủ trì dự án đầu tư sản xuất cam kết bằng văn bản về kinh phí đầu tư, áp dụng kết quả của Dự án KH&CN và chịu trách nhiệm áp dụng, chuyển giao kết quả của Dự án KH&CN vào dự án đầu tư sản xuất.

2. Chủ nhiệm Dự án KH&CN là lãnh đạo của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, có đủ thời gian và khả năng tổ chức thực hiện Dự án KH&CN. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 4. Yêu cầu đối với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN là doanh nghiệp hoặc tổ chức khoa học và công nghệ, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có tư cách pháp nhân, có ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc lĩnh vực đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (đối với tổ chức khoa học và công nghệ) phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của Dự án KH&CN;

b) Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng thực hiện thành công nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

c) Có đơn đăng ký thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và được Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN chấp nhận;

d) Đáp ứng các điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Chương II
TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DỰ ÁN KH&CN

Điều 5. Tổ chức xây dựng, đề xuất đặt hàng

1. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn, Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức xây dựng, đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Việc tổ chức xây dựng, đề xuất đặt hàng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Hồ sơ đề xuất đặt hàng gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm:

a) Đề xuất đặt hàng theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) 01 bản chính dự thảo thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN (mẫu B2-TMTQ-DAKHCN của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Bản sao quyết định phê duyệt hoặc văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư dự án đầu tư sản xuất, báo cáo đầu tư và các văn bản pháp lý khác có liên quan;

d) Văn bản cam kết của cơ quan, tổ chức chủ trì dự án đầu tư sản xuất về kinh phí đầu tư, ứng dụng kết quả của Dự án KH&CN.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Đơn vị quản lý dự án tổng hợp, lập danh mục đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ, phù hợp của đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN (mẫu B1-TH-DAKHCN của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 6. Xác định danh mục Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định danh mục Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ vào kết quả của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

Trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến của Cơ quan đề xuất đặt hàng về danh mục Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trước khi phê duyệt.

Điều 7. Tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Căn cứ quyết định phê duyệt danh mục Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 4 của Thông tư này chuẩn bị thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

Thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, thông qua Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, được gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ để đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp theo quy định.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc tuyển chọn, giao trực tiếp đối với Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

3. Việc chuẩn bị hồ sơ, quy trình thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra thực tế về tiềm lực và các vấn đề có liên quan của Tổ chức chủ trì và các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện thẩm định, phê duyệt kinh phí các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 8. Thẩm định, phê duyệt thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN

1. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm Dự án KH&CN hoàn thiện thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, Tổ thẩm định kinh phí và gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện thẩm định, phê duyệt kinh phí hoạt động chung của Dự án KH&CN thông qua Tổ thẩm định kinh phí do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập.

3. Thành phần, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thẩm định được vận dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Tổ thẩm định kinh phí có trách nhiệm thẩm định sự phù hợp về nội dung của thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; dự toán kinh phí chi hoạt động chung của Dự án KH&CN theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

4. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm Dự án KH&CN hoàn thiện thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN sau khi có kết quả thẩm định kinh phí hoạt động chung của Dự án KH&CN trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

5. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan hoặc kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức được kiến nghị chủ trì thực hiện Dự án KH&CN.

Quyết định phê duyệt thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN KH&CN

Điều 9. Ký kết hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN và nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Ký kết hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN:

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao Đơn vị quản lý kinh phí và Đơn vị quản lý dự án (là bên A) ký hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm Dự án KH&CN (là bên B).

2. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao Đơn vị quản lý kinh phí, Đơn vị quản lý dự án và Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN (là bên A) ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN (là bên B), trừ các trường hợp được quy định tại điểm b khoản này;

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao Đơn vị quản lý kinh phí và Đơn vị quản lý dự án (là bên A) ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm (là bên B) đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trực tiếp chủ trì thực hiện.

3. Mẫu hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN và hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được ban hành kèm theo Thông tư này (mẫu B3-HĐDA-DAKHCN, mẫu B4-HĐNV-DAKHCN, mẫu B5-HĐNV-DAKHCN của Phụ lục II).

Điều 10. Quản lý tài chính, tài sản của Dự án KH&CN

1. Kinh phí thực hiện Dự án KH&CN bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN và kinh phí hoạt động chung của Dự án KH&CN, được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được cân đối trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm;

b) Kinh phí của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và các tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

c) Kinh phí huy động từ dự án đầu tư sản xuất và các nguồn khác.

2. Nội dung chi ngân sách nhà nước của các Dự án KH&CN:

a) Chi thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN bao gồm: áp dụng mục chi, nội dung chi, định mức chi theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;

b) Chi hoạt động chung của Dự án KH&CN bao gồm: chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Dự án KH&CN; chi kiểm tra, đánh giá kết quả nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; chi quản lý chung Dự án KH&CN; chi phụ cấp trách nhiệm của chủ nhiệm Dự án KH&CN; chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động chung của Dự án KH&CN.

3. Công tác lập dự toán, giao, phân bổ, cấp và thanh quyết toán kinh phí đối với Dự án KH&CN được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý tài chính đối với chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia, nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia, dự án KH&CN cấp quốc gia do Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

4. Quản lý, xử lý tài sản của Dự án KH&CN:

Việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện Dự án KH&CN được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT/BKHCN-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cơ quan đề xuất đặt hàng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 12. Đánh giá nghiệm thu kết quả, thanh lý hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, trừ các nhiệm vụ được quy định ở điểm b khoản này;

b) Đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trực tiếp chủ trì thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cơ quan đề xuất đặt hàng đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cơ quan đề xuất đặt hàng đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia Dự án KH&CN.

3. Trình tự thủ tục thực hiện đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, Dự án KH&CN theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Thanh lý hợp đồng:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN sau khi có kết quả đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, trừ trường hợp được quy định tại điểm b khoản này;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đối với nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trực tiếp chủ trì thực hiện sau khi có kết quả đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ thanh lý hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm Dự án KH&CN sau khi có kết quả đánh giá nghiệm thu Dự án KH&CN;

d) Trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ DỰ ÁN KH&CN

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ KH&CN

1. Trách nhiệm của Đơn vị quản lý dự án:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định Dự án KH&CN và danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trên cơ sở đề xuất của Cơ quan đề xuất đặt hàng trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ và Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức thẩm định về nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

d) Phối hợp với đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và kinh phí các nhiệm vụ, kinh phí quản lý chung Dự án KH&CN;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN;

e) Phối hợp với Đơn vị quản lý kinh phí ký hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN, Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

g) Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện Dự án KH&CN để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm;

h) Phối hợp với Đơn vị quản lý kinh phí và các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện Dự án KH&CN theo hợp đồng đã ký kết; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

i) Phối hợp với Đơn vị quản lý kinh phí, Cơ quan đề xuất đặt hàng và Tổ chức chủ trì tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, Dự án KH&CN;

k) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ KH&CN, Cơ quan đề xuất đặt hàng, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN sơ kết, tổng kết Dự án KH&CN.

2. Trách nhiệm của Đơn vị quản lý kinh phí:

a) Phối hợp với Đơn vị quản lý dự án, các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp và thẩm định kinh phí các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, Dự án KH&CN trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý dự án ký hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN, Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

c) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý dự án và các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, phù hợp với các quy định hiện hành trong lĩnh vực đấu thầu;

d) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý dự án và các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện Dự án KH&CN theo hợp đồng đã ký kết; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

đ) Chủ trì cấp và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, cân đối kinh phí thực hiện Dự án KH&CN để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm;

g) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý dự án, Cơ quan đề xuất đặt hàng và Tổ chức chủ trì tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, Dự án KH&CN;

h) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN sơ kết, tổng kết Dự án KH&CN.

Điều 14. Trách nhiệm của Cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN với Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xác định danh mục Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; tuyển chọn, xét giao trực tiếp, thẩm định kinh phí đối với Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Dự án KH&CN.

4. Chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu của Dự án KH&CN đã đề xuất đặt hàng; tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, Dự án KH&CN.

6. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN sơ kết, tổng kết Dự án KH&CN.

Điều 15. Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN

1. Đề xuất, trình cấp có thẩm quyền Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; kiến nghị về phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Dự án KH&CN theo quy định.

2. Xây dựng, chuẩn bị hồ sơ Dự án KH&CN theo quy định.

3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng trong việc tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; thẩm định nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

4. Ký hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN với Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ký hợp đồng với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Thông tư này.

6. Hỗ trợ Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN triển khai thực hiện nội dung KH&CN theo hợp đồng.

7. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức điều hành, hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; phát hiện và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án KH&CN và báo cáo Cơ quan đề xuất đặt hàng, Bộ Khoa học và Công nghệ; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Dự án KH&CN gửi Cơ quan đề xuất đặt hàng và Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Tổng hợp và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình cấp phát, sử dụng và quyết toán kinh phí hàng năm và tổng quyết toán khi kết thúc Dự án KH&CN.

9. Chủ trì, phối hợp với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

10. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, Dự án KH&CN.

11. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng sơ kết, tổng kết Dự án KH&CN.

12. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của Dự án KH&CN theo quy định của pháp luật.

13. Triển khai áp dụng kết quả của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN vào sản xuất phù hợp với tiến độ của dự án đầu tư sản xuất.

14. Chịu trách nhiệm với Cơ quan đề xuất đặt hàng, Bộ Khoa học và Công nghệ về tổ chức thực hiện, kết quả và ứng dụng kết quả Dự án KH&CN.

Điều 16. Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được giao chủ trì thực hiện.

2. Lựa chọn, đề xuất cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

3. Ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ với Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN; ký kết hợp đồng thuê khoán với tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng phối hợp, triển khai nghiên cứu để thực hiện thành công nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo cam kết trong hợp đồng khoa học và công nghệ.

5. Chịu sự điều hành, giám sát về tiến độ, nội dung của Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN, Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, thông qua Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN gửi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

7. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN; cấp đủ và bảo đảm tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ, báo cáo quyết toán kinh phí nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc tạo ra (nếu có) từ kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền.

10. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

11. Phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

12. Đáp ứng các yêu cầu phục vụ đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia đối với nhiệm vụ; thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành.

13. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ cấp quốc gia, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ nhiệm Dự án KH&CN, chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Trách nhiệm của chủ nhiệm Dự án KH&CN:

a) Ký hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này;

b) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giá trị khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của Dự án KH&CN;

c) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí và quản lý kinh phí của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành;

d) Đề xuất, kiến nghị với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN về điều chỉnh nội dung, sản phẩm, kinh phí và tiến độ của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

đ) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo hợp đồng; báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Thực hiện việc đăng ký, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành;

g) Phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này;

b) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giá trị khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

c) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí và quản lý kinh phí của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành;

d) Đề xuất, kiến nghị với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ về điều chỉnh nội dung, sản phẩm, kinh phí và tiến độ của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

đ) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo hợp đồng; báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Thực hiện việc đăng ký, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành;

g) Phối hợp với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các Dự án KH&CN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện trước thời điểm Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013 có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của Thông tư số 11/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xây dựng và quản lý Dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với các Dự án KH&CN được phê duyệt sau thời điểm Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013 có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2016.

2. Thông tư số 11/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn việc xây dựng và quản lý Dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan nhà nước khác ở Trung ương căn cứ Thông tư này hướng dẫn đề xuất các Dự án KH&CN phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm mục đích phát huy hiệu quả của khoa học công nghệ đối với sản xuất và đời sống.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Khánh

Phụ lục I

DANH MỤC MẪU

XÂY DỰNG, XÉT DUYỆT DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN dự kiến đưa vào thực hiện trong kế hoạch: **Mẫu B1-TH-DAKHCN**

2. Mẫu Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN: **Mẫu B2-TMTQ-DAKHCN**.

B1-TH-DAKHCN
18/2016/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DỰ ÁN KH&CN

DANH MỤC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DỰ KIẾN ĐƯA VÀO THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 20...

TT	Tên Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Dự án KH&CN:**				
A	**Các đề tài**				
1	Đề tài 1:				
	…				
B	**Các dự án SXTN**				
1	Dự án SXTN 1:				
	…				
II	**Dự án KH&CN:**				

Ghi chú:

- Kèm theo Bản tổng hợp này là đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN, đề xuất đặt hàng đề tài KH&CN và đề xuất đặt hàng dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN theo qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
- Các Dự án KH&CN, các đề tài, các dự án SXTN trong mỗi Dự án KH&CN được xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DỰ ÁN KH&CN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu B2-TMTQ-DAKHCN
18/2016/TT-BKHCN

THUYẾT MINH TỔNG QUÁT
DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Thông tin chung về Dự án KH&CN

1. Tên Dự án KH&CN:
2. Cơ quan đề xuất đặt hàng:
3. ***Thời gian thực hiện:*** Từ tháng..../20... đến tháng..../20....
4. Kinh phí Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng ***Trong đó:*** **4.1** Từ ngân sách SNKH: triệu đồng **4.2** Từ các nguồn vốn khác: triệu đồng
5. Chủ nhiệm Dự án KH&CN Họ và tên: Học hàm/học vị: Chức danh khoa học: Mobile: E-mail: Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ nhà riêng:
6 Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN
Tên tổ chức:
Điện thoại: Fax: E-mail: Địa chỉ: Người đại diện: Chức vụ:

7	**Các tổ chức phối hợp**		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Bộ chủ quản
1			
2			
8	**Xuất xứ Dự án KH&CN**		

8.1. Nguồn hình thành *(nêu rõ xuất xứ hình thành từ nguồn nào, phục vụ phát triển lĩnh vực trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn...)*

8.2. Các văn bản liên quan đến Dự án KH&CN (*nêu các văn bản pháp lý có liên quan đến Dự án KHCN, Dự án đầu tư sản xuất...)*

9	**Tổng quan tình hình nghiên cứu triển khai và sản xuất sản phẩm trong và ngoài nước** *(nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu triển khai trong và ngoài nước: thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực nghiên cứu, nêu rõ tính cấp thiết của Dự án KHCN...)*

9.1. Ngoài nước:

9.2. Trong nước:

II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu của Dự án KH&CN

10	**Mục tiêu của Dự án KH&CN**
10.1. Mục tiêu kinh tế - xã hội *(nêu rõ việc thực hiện Dự án KH&CN giải quyết những vấn đề gì trong dự án đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội)* **10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ** *(nêu rõ việc làm chủ và nâng cao những công nghệ gì? thuộc lĩnh vực nào, ở trình độ ra sao so với trong khu vực và quốc tế...)*	
11	**Nội dung dự án**
11.1 Nội dung khoa học *(liệt kê những nội dung khoa học trọng tâm trong toàn bộ thời gian để thực hiện mục tiêu của Dự án KH&CN, sự gắn kết giữa các nội dung trong Dự án KH&CN, nêu bật được những nội dung mới và phù hợp để giải quyết vấn đề đặt ra…)* **11.2 Hoạt động quản lý (***nêu rõ những hoạt động quản lý Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN)*	

12	***Tiến độ thực hiện***			
TT	**Nội dung trọng tâm**	**Sản phẩm phải đạt**	**Thời gian (BĐ-KT)**	**Ghi chú**
1	2	3	4	5

III. Sản phẩm của Dự án KH&CN

13	**Dạng kết quả dự kiến của Dự án KH&CN**	
I	**II**	**III**
♦ Dây chuyền công nghệ	♦ Quy trình công nghệ	♦ Đề án quy hoạch triển khai
♦ Sản phẩm	♦ Phương pháp	♦ Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, nghiên cứu khả thi
♦ Thiết bị, máy móc	♦ Quy phạm	♦ Đào tạo
♦ Vật liệu	♦ Tiêu chuẩn	♦ Bài báo, Sách chuyên khảo...
♦ Giống cây trồng		♦ Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
♦ Giống gia súc		♦ Khác
♦ Chương trình máy tính		

14	**Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm tạo ra** *(dạng kết quả II, III)*		
TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học	Chú thích
1	*2*	*3*	*4*

15	**Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra** (dạng kết quả I)					
TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến Số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1						
2						
3						

16	**Địa điểm và thời gian ứng dụng** *(Ghi rõ tên sản phẩm cụ thể, địa chỉ, tên Dự án đầu tư và thời gian ứng dụng các sản phẩm của Dự án KH&CN)*			
STT	Tên sản phẩm	Địa chỉ	Thời gian	Ghi chú
1				
2				

17	Hiệu quả của Dự án KH&CN
• **Hiệu quả về khoa học và công nghệ** *(tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)* • **Hiệu quả về kinh tế** *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do Dự án KH&CN mang lại gồm: làm lợi do thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa, thuê chuyên gia... so với hiện tại)* • **Hiệu quả về xã hội** *(ảnh hưởng tác động do thực hiện dự án KH&CN mang lại như tạo công ăn việc làm, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm, tăng thu nhập cho người lao động...)*	

IV. Danh mục các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm (SXTN) trong Dự án KH&CN

(Phụ lục 1 kèm theo Thuyết minh)

V. Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án SXTN

(Phụ lục 2 kèm theo Thuyết minh)

..., ngày... tháng... năm 20...

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ[1]
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN KHCN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN KHCN
(Họ, tên và chữ ký)

[1] Chỉ thực hiện khi dự án được phê duyệt

Phụ lục 1

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Thuyết minh Dự án KH&CN)

Tên Dự án KH&CN:.....

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức, cá nhân chủ trì	Mục tiêu chủ yếu	Sản phẩm và các chỉ tiêu KT - KT chủ yếu	Thời gian thực hiện		Hiệu quả	Ghi chú
					Bắt đầu	Kết thúc		
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
I	**Các đề tài**							
II	**Các dự án SXTN**							

Phụ lục 2

KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Thuyết minh Dự án KH&CN)

Tên Dự án KH&CN:.....

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Kinh phí thực hiên			Phân bổ kinh phí cho các năm từ SNKH					Ghi chú
			Tổng kinh phí	Kinh phí SNKH	Nguồn khác	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	**Các đề tài**										
1											
…											
II	**Các dự án SXTN**										
1											
…											
III	**Kinh phí quản lý chung Dự án KH&CN**										
	Tổng cộng										

Phụ lục II

DANH MỤC MẪU HỢP ĐỒNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VÀ CÁC NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu Hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN: **Mẫu B3-HĐDA-DAKHCN.**

2. Mẫu Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trực tiếp chủ trì thực hiện: **Mẫu B4-HĐNV-DAKHCN**.

3. Mẫu Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN không do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trực tiếp thực hiện: **Mẫu B5-HĐNV-DAKHCN**.

Mẫu B3-HĐDA-DAKHCN
18/2016/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ... *(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện Dự án khoa học và công nghệ này)*

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A):

a) Đơn vị quản lý kinh phí

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số tài khoản:..... tại.....

b) Đơn vị quản lý dự án

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Dự án KHCN):.....

- Do Ông/Bà:.....

- Chức vụ:..... làm đại diện.

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Email:.....

- Số tài khoản:..... tại.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Dự án KH&CN

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Dự án KH&CN theo các nội dung trong Thuyết minh Tổng quát Dự án KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Dự án KH&CN là... tháng, từ tháng..... năm 20.... đến tháng... năm 20...

Điều 3. Kinh phí thực hiện Dự án KH&CN

1. Dự án KH&CN được thực hiện theo hình thức[1]: Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện Dự án KH&CN là... (bằng chữ:...), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:... (bằng chữ:...).

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án là:... (bằng chữ:...);

+ Kinh phí hoạt động chung của Dự án là:... (bằng chữ:...);

- Kinh phí từ nguồn khác:... (bằng chữ:...)[2].

3. Kinh phí được phân bổ cho các nhiệm vụ của Dự án KH&CN, kinh phí hoạt động chung và kinh phí khoán chi có phụ lục kèm theo.

4. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí cho Dự án KH&CN và các cơ quan chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

---

[1] Lựa chọn và ghi hình thức khoán chi áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

[2] Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có kinh phí từ nguồn khác

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Thuyết minh bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Dự án KH&CN của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Dự án KH&CN Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Dự án KH&CN;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án KH&CN của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Dự án KH&CN, bàn giao kết quả thực hiện Dự án KH&CN cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Dự án KH&CN và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Dự án KH&CN (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Dự án KH&CN (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Dự án KH&CN đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Dự án KH&CN;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Dự án KH&CN bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Dự án KH&CN theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Dự án KH&CN. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Dự án KH&CN tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Dự án KH&CN sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Dự án KH&CN cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Dự án KH&CN và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Dự án KH&CN theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Dự án KH&CN;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Dự án KH&CN theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Dự án KH&CN đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Dự án KH&CN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Dự án KH&CN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Dự án KH&CN theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Dự án KH&CN không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Dự án KH&CN mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Dự án KH&CN đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Dự án KH&CN đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức "Đạt" trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này;

b) Dự án KH&CN đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức "không đạt" thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước...[3] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án KH&CN nếu do lỗi khách quan hoặc...[4] tổng kinh phí ngân sách nhà đã sử dụng cho Dự án KH&CN nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với Dự án KH&CN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

---

[3], [4] Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

a) Trường hợp Dự án KH&CN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Dự án KH&CN và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B;

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Dự án KH&CN bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Dự án KH&CN theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước....[5] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án KH&CN nếu do lỗi khách quan hoặc.....[6] tổng kinh phí ngân sách nhà đã sử dụng cho Dự án KH&CN nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Dự án KH&CN không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Dự án KH&CN, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng[7]

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Dự án KH&CN được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Dự án KH&CN.

[5, 6, 7] Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự)[8].

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... Hợp đồng này được lập thành... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ... bản./.

BÊN A	**BÊN B**
(Bên đặt hàng)	(Bên nhận đặt hàng)
(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)	(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

[8] Các bên thỏa thuận và chỉ ghi trong Hợp đồng một hình thức giải quyết là Trọng tài hoặc Tòa án.

PHỤ LỤC 1. NỘI DUNG, CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO NĂM

Kèm theo Hợp đồng số:.....

I. Năm...

1. Nhiệm vụ số 1:

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành

2. Nhiệm vụ số 2:

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành

.....

n. Nhiệm vụ số n:

PHỤ LỤC 2. KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ NĂM

Kèm theo Hợp đồng số:....

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách SNKH								Khác
			Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Năm thứ nhất (2015 + 2016)		Năm thứ hai (2017)		Năm thứ ba (2018)		
					Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	***Nhiệm vụ số 1***										
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)										
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng										
3	Thiết bị, máy móc										
4	Chi khác										
	Tổng số										
II	***Nhiệm vụ số 2...***										
...	.....										
III	***Chi quản lý chung***										
	Tổng cộng:										

Mẫu B4-HĐNV-DAKHCN
18/2016/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ[1]
Số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ... *(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện Dự án khoa học và công nghệ này)*

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A):

a) Đơn vị quản lý kinh phí

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Tài khoản số:..... tại.....

b) Đơn vị quản lý dự án

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

[1] *Mẫu này sử dụng cho trường hợp Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN đồng thời thực hiện một số nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN*

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Dự án KHCN):.....

- Do Ông/Bà:.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số tài khoản:..... tại.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện *(ghi số nhiệm vụ)* **nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN**

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện *(ghi số nhiệm vụ)* nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN và quản lý chung Dự án (Phụ lục kèm theo) thuộc Dự án KH&CN (ghi tên Dự án KH&CN) theo các nội dung trong Thuyết minh Tổng quát Dự án KH&CN và Thuyết minh các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN là..... tháng, từ tháng..... năm 20... đến tháng... năm 20...

Điều 3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được thực hiện theo hình thức[2]: Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN là... (bằng chữ...), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:... (bằng chữ:...).

+ Kinh phí khoán:... (bằng chữ:...).

+ Kinh phí không giao khoán:... (bằng chữ:...)[3]

- Kinh phí từ nguồn khác:... (bằng chữ:...)[4].

3. Kinh phí được phân bổ cho *(ghi số nhiệm vụ)* nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN tại phụ lục kèm theo.

4. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

---

[2] Lựa chọn và ghi hình thức khoán chi áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

[3] Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

[4] Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có kinh phí từ nguồn khác

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành nội dung trong Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí, thời gian thực hiện và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của nhiệm vụ và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện các nhiệm vụ;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của các nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc các nhiệm vụ. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện các nhiệm vụ sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm các nhiệm vụ cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong các nhiệm vụ và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả của các nhiệm vụ theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Các nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện các nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc các nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với các nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Các nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức "Đạt" trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này;

b) Các nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức "không đạt" thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa

sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước...[5] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Dự án KH&CN nếu do lỗi khách quan hoặc...[6] tổng kinh phí ngân sách nhà đã sử dụng cho Dự án KH&CN nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với các nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp các nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện các nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B;

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với các nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước...[7] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho các nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc...[8] tổng kinh phí ngân sách nhà đã sử dụng cho các nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với các nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng[9]

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của các nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải

---

[5, 6, 7, 8] Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

[9] Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ không có tài sản nào được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của các nhiệm vụ.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự)[10].

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... Hợp đồng này được lập thành... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ... bản./.

BÊN A	**BÊN B**
(Bên đặt hàng)	(Bên nhận đặt hàng)
(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)	(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có)

[10] Các bên thỏa thuận và chỉ ghi trong Hợp đồng một hình thức giải quyết là Trọng tài hoặc Tòa án.

PHỤ LỤC 1. NỘI DUNG, CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO NĂM

Kèm theo Hợp đồng số:.....

I. Năm...

1. Nhiệm vụ số 1:

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành

2. Nhiệm vụ số 2:

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành

.....

n. Nhiệm vụ số n:

PHỤ LỤC 2. KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ NĂM

Kèm theo Hợp đồng số:...

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách SNKH								Khác
			Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Năm thứ nhất (2015 + 2016)		Năm thứ hai (2017)		Năm thứ ba (2018)		
					Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	***Nhiệm vụ số 1***										
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)										
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng										
3	Thiết bị, máy móc										
4	Chi khác										
	Tổng số										
II	***Nhiệm vụ số 2...***										
...	...										
III	***Chi quản lý chung***										
	Tổng cộng:										

Mẫu B5-HĐNV-DAKHCN
18/2016/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ [1]
Số:.....

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BKHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ... *(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ này)*

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A):

a) Đơn vị quản lý kinh phí

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số tài khoản:..... tại.....

b) Đơn vị quản lý dự án

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

[1] Mẫu sử dụng cho các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đối với các nhiệm vụ không do tổ chức chủ trì dự án trực tiếp thực hiện.

c) Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án KH&CN (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Dự án KHCN):

- Do Ông/Bà.....

- Chức vụ:..... làm đại diện.

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Email:.....

- Số tài khoản:..... tại.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Dự án SXTN):.....

- Do Ông/Bà.....

- Chức vụ:..... làm đại diện.

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Email:.....

- Số tài khoản:..... tại.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện....[2] (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Dự án SXTN

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Dự án SXTN "..."[3] theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Dự án SXTN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Đề tài/Dự án SXTN là... tháng, từ tháng... năm 20... đến tháng... năm 20...

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài/Dự án SXTN

1. Đề tài/Dự án SXTN được thực hiện theo hình thức[4]: Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài/Dự án SXTN là... (bằng chữ:...), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:... (bằng chữ:...).

+ Kinh phí khoán:... (bằng chữ:...).

---

[2] Hợp đồng thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN

[3] Ghi tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

[4] Lựa chọn và ghi hình thức khoán chi áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

+ Kinh phí không giao khoán:... (bằng chữ:...)[5]

- Kinh phí từ nguồn khác:... (bằng chữ:...)[6].

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Dự án SXTN bằng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp cho Bên A và Bên A cấp cho Bên B (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài/ Dự án SXTN của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài/ Dự án SXTN theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài/Dự án SXTN;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Dự án SXTN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN, bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

---

[5] Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

[6] Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có kinh phí từ nguồn khác

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đề tài/Dự án SXTN và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài/Dự án SXTN đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Đề tài/Dự án SXTN;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Dự án SXTN bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) thông qua Bên A để gửi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài/Dự án SXTN theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá nhiệm vụ theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài/Dự án SXTN. Sau khi tự đánh giá, hoàn chỉnh lại hồ sơ để phục vụ đánh giá cấp quốc gia, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Dự án SXTN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định; chịu trách nhiệm lưu giữ toàn bộ chứng từ gốc mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Dự án SXTN bằng kinh phí do Bên A cấp.

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN tại Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Đề tài/Dự án SXTN cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài/Dự án SXTN và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài/Dự án SXTN theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài/Dự án SXTN đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài/Dự án SXTN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài/Dự án SXTN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Dự án SXTN theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài/Dự án SXTN không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài/Dự án SXTN mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Đề tài/Dự án SXTN đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài/Dự án SXTN đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức "Đạt" trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Đề tài/Dự án SXTN đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức "không đạt" thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước...[7] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Dự án SXTN nếu do lỗi khách quan hoặc...[8] tổng kinh phí ngân sách nhà đã sử dụng cho Đề tài/Dự án SXTN nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với Đề tài/Dự án SXTN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài/Dự án SXTN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài/Dự án SXTN và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B;

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài/Dự án SXTN bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Dự án SXTN theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước....[9] tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Dự án SXTN nếu do lỗi khách quan hoặc.....[10] tổng kinh phí ngân sách nhà đã sử dụng cho Đề tài/Dự án SXTN nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Đề tài/Dự án SXTN không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Dự án SXTN, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng[11]

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Dự án SXTN được thực hiện theo quy định pháp luật.

---

[7], [8], [9], [10] Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

[11] Bỏ nội dung này đối với Đề tài/Dự án SXTN không có tài sản nào được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Các sản phẩm vật chất của Đề tài/Dự án SXTN sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài/Dự án SXTN.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự)[12].

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 20... Hợp đồng này được lập thành... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ... bản./.

BÊN A (Bên đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)	**BÊN B** (Bên nhận đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có)

[12] Các bên thỏa thuận và chỉ ghi trong Hợp đồng một hình thức giải quyết là Trọng tài hoặc Tòa án.

PHỤ LỤC 1. NỘI DUNG, CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO NĂM

Kèm theo Hợp đồng số:...

I. Năm...

1. Nhiệm vụ số 1:

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành

2. Nhiệm vụ số 2:

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành

.....

n. Nhiệm vụ số n:

PHỤ LỤC 2. KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ NĂM

Kèm theo Hợp đồng số:...

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách SNKH								Khác
			Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Năm thứ nhất (2015 + 2016)		Năm thứ hai (2017)		Năm thứ ba (2018)		
					Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	Tổng số	*Trong đó, khoán chi*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	***Nhiệm vụ số 1***										
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)										
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng										
3	Thiết bị, máy móc										
4	Chi khác										
	Tổng số										
II	***Nhiệm vụ số 2...***										
...	...										
III	***Chi quản lý chung***										
	Tổng cộng:										